

QUY CHẾ BẢO ĐẢM TIỀN VAY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 91/GP-NHNN ngày 28-3-2008 của Thống đốc NHNN Việt Nam cấp cho Ngân hàng TMCP Liên Việt;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Liên Việt (Lienvietbank) đã được Thống đốc NHNN Việt Nam chuẩn y theo Quyết định số 680/QĐ-NHNN ngày 28-3-2008;
- Căn cứ Quyết định số 681/QĐ-NHNN ngày 28-3-2008 của Thống đốc NHNN Việt Nam về việc Chuẩn y việc bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng TMCP Liên Việt;
- Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về Giao dịch bảo đảm;
- Theo đề nghị của Tổng Giám đốc,

QUY ĐỊNH:

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Quy chế này quy định về việc bảo đảm tiền vay bằng các biện pháp ký quỹ, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh và bằng các biện pháp bảo đảm tiền vay không có tài sản ký quỹ, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh đối với các nghiệp vụ cho vay của Lienvietbank.
2. Việc bảo đảm nghĩa vụ bằng các biện pháp ký quỹ, cầm cố, thế chấp và bảo lãnh đối với nghiệp vụ bảo lãnh và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác cho Khách hàng cũng được thực hiện theo Quy chế này và quy định cụ thể của Tổng Giám đốc nếu không có quy định khác của Lienvietbank.
3. Quy chế này được áp dụng trên phạm vi toàn Hệ thống Lienvietbank.

Điều 2. Nguyên tắc bảo đảm tiền vay

1. Trong mọi trường hợp nhận bảo đảm tiền vay, phải xác định rõ nghĩa vụ được bảo đảm phát sinh từ giao dịch giữa Lienvietbank với Khách hàng.
2. Tài sản bảo đảm tiền vay phải có nguồn gốc và căn cứ pháp lý rõ ràng.
3. Đơn vị cho vay phải thực hiện đúng, đủ các thủ tục pháp lý theo quy định của Pháp luật và của Lienvietbank khi xác lập giao dịch bảo đảm.
4. Ngoại trừ việc cho vay theo các sản phẩm cho vay đặc thù do Tổng Giám đốc quy định, Đơn vị cho vay không được dùng tài sản bảo đảm tiền vay làm căn cứ duy nhất để quyết

định đồng ý cho vay và phải xác định tài sản bảo đảm tiền vay chỉ là cơ sở cuối cùng để bảo đảm thu hồi nợ.

5. Lienvietbank không thực hiện việc cho cá nhân, hộ gia đình nghèo vay có bảo lãnh bằng tín chấp của tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội theo quy định tại Điều 372, Bộ luật Dân sự năm 2005 và các quy định của Chính phủ.
6. Tổng Giám đốc có thẩm quyền phê duyệt thay đổi các điều kiện, thủ tục về bảo đảm tiền vay quy định tại Quy chế này trên cơ sở phù hợp với các quy định của Pháp luật.

Điều 3. Các biện pháp bảo đảm tiền vay

1. Biện pháp bảo đảm tiền vay bằng tài sản, bao gồm:
 - a) Ký quỹ;
 - b) Cầm cố, thế chấp bằng tài sản của Khách hàng vay hoặc Bên thứ ba;
 - c) Bảo lãnh của bên thứ ba;
 - d) Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay (thế chấp tài sản hình thành trong tương lai);
 - e) Các biện pháp bảo đảm bằng tài sản khác do Pháp luật quy định.
2. Ký quỹ là việc bên vay vốn gửi một khoản tiền hoặc kim khí quý, đá quý hoặc giấy tờ có giá khác vào tài khoản phong toả tại Lienvietbank để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay.¹
3. Cầm cố tài sản là việc Khách hàng vay hoặc Bên thứ ba giao tài sản thuộc quyền sở hữu của mình cho Lienvietbank để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay vốn tại Lienvietbank.²
4. Thế chấp tài sản là việc Khách hàng vay hoặc Bên thứ ba dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay vốn tại Lienvietbank và không chuyển giao tài sản đó cho Lienvietbank.³
5. Bảo lãnh là việc Bên thứ ba cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Khách hàng vay, nếu khi đến thời hạn mà Khách hàng vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ.⁴
6. Biện pháp bảo đảm tiền vay trong trường hợp cho vay không có bảo đảm bằng tài sản (không áp dụng biện pháp ký quỹ, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh), bao gồm:

¹ Khoản 1, Điều 360 (Ký quỹ), Bộ luật Dân sự năm 2005.

² Điều 326 (Cầm cố tài sản), Bộ luật Dân sự năm 2005.

³ Khoản 1, Điều 342 (Thế chấp tài sản), Bộ luật Dân sự năm 2005.

⁴ Điều 361 (Bảo lãnh), Bộ luật Dân sự năm 2005.

- a) Cho vay không có bảo đảm bằng tài sản ký quỹ, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh đối với các doanh nghiệp và chủ thể kinh doanh khác có đủ điều kiện cho vay không có tài sản bảo đảm;
 - b) Cho vay không có bảo đảm bằng tài sản ký quỹ, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh đối với cán bộ, nhân viên thuộc một số cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khác để phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đời sống theo quy định của Tổng Giám đốc.
7. Nếu Khách hàng vay vốn không có tài sản bảo đảm tiền vay mà vi phạm cam kết trong hợp đồng tín dụng, thì Lienvietbank có quyền yêu cầu Khách hàng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm bằng tài sản ký quỹ, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh hoặc thu hồi nợ trước hạn.

Điều 4. Các tài sản bảo đảm tiền vay

- 1. Các Đơn vị cho vay được nhận các loại tài sản bảo đảm tiền vay để cho vay theo quy định của Pháp luật và quy định của Lienvietbank.
- 2. Việc nhận bảo đảm tiền vay trong các trường hợp dưới đây do Hội đồng Tín dụng Khu vực (theo địa hạt quản lý và thẩm quyền phán quyết) quyết định:
 - a) Bảo đảm tiền vay không có tài sản ký quỹ, cầm cố, thế chấp;
 - b) Bảo đảm tiền vay bằng biện pháp bảo lãnh của các đối tượng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 8 của Quy chế này;
 - c) Bảo đảm tiền vay bằng tài sản được hình thành từ vốn vay;
 - d) Bảo đảm tiền vay bằng cổ phiếu, trái phiếu công ty chưa niêm yết trên sàn giao dịch;
 - e) Bảo đảm tiền vay bằng nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất, nhưng không thế chấp quyền sử dụng đất (trong trường hợp quyền sử dụng đất được phép thế chấp riêng);
 - f) Bảo đảm tiền vay bằng quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất, nhưng không thế chấp tài sản gắn liền với đất;
 - g) Bảo đảm tiền vay bằng nhà ở, quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với nơi đóng trụ sở của Đơn vị cho vay;
 - h) Bảo đảm tiền vay bằng quyền sử dụng đất nông nghiệp (đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối, đất nông nghiệp khác theo quy định của Chính phủ); đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn;
 - i) Bảo đảm tiền vay bằng quyền tài sản phát sinh từ quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp; quyền đòi nợ, quyền được nhận tiền bảo hiểm, các quyền tài sản khác phát sinh từ hợp đồng hoặc từ các căn cứ pháp lý khác;

- j) Bảo đảm tiền vay bằng quyền khai thác tài nguyên thiên nhiên theo quy định của Pháp luật;
 - k) Bảo đảm tiền vay bằng quyền đối với phần vốn góp trong doanh nghiệp (kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài);
 - l) Bảo đảm tiền vay bằng tài sản ký quỹ, cầm cố, thế chấp của doanh nghiệp, trong trường hợp toàn bộ giá trị doanh nghiệp đã được cầm cố, thế chấp;
 - m) Bảo đảm tiền vay bằng nhãn hiệu hàng hóa, giá trị doanh nghiệp;
 - n) Bảo đảm tiền vay bằng các tài sản khác theo quy định của Tổng Giám đốc.
3. Việc thông qua các trường hợp bảo đảm tiền vay như quy định tại khoản 2, Điều này được thực hiện theo một trong những cách thức dưới đây:
- a) Theo từng loại hình nghiệp vụ cho vay;
 - b) Theo văn bản nghị quyết riêng của Hội đồng Tín dụng;
 - c) Theo từng loại đối tượng Khách hàng vay;
 - d) Theo từng Khách hàng vay cụ thể;
 - e) Theo từng khoản vay.

Điều 5. Việc định giá tài sản bảo đảm tiền vay

1. Lienvietbank và Khách hàng thoả thuận định giá tài sản bảo đảm tiền vay tại thời điểm ký kết hợp đồng bảo đảm tiền vay để làm cơ sở xác định mức cho vay của Lienvietbank (không áp dụng khi xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ) và được xem xét, điều chỉnh khi cần thiết.
2. Việc định giá tài sản bảo đảm tiền vay được thực hiện theo các nguyên tắc sau:
 - a) Việc định giá tài sản bảo đảm tiền vay để cho vay phải bảo đảm việc thu hồi đủ nợ gốc, lãi và các chi phí cần thiết khác liên quan đến khoản vay;
 - b) Căn cứ vào mệnh giá đối với các loại giấy tờ có giá; giá theo hợp đồng, hoá đơn, chứng từ mua bán hợp pháp và giá trị còn lại của tài sản trên sổ sách kế toán; dự toán về tài sản trong phương án, dự án đầu tư;
 - c) Căn cứ vào kết quả thẩm định giá của tổ chức tư vấn, tổ chức chuyên môn thẩm định giá; tổ chức kiểm toán (nếu có);
 - d) Căn cứ vào khung giá do Nhà nước quy định đối với quyền sử dụng đất và các tài sản khác do Nhà nước quy định khung giá;
 - e) Căn cứ vào giá thị trường của tài sản trên cơ sở thông tin giá cả trên các phương tiện thông tin đại chúng; thông tin giá cả của các đơn vị kinh doanh, dịch vụ trong các lĩnh vực liên quan (so sánh, đối chiếu với đặc điểm cụ thể, lợi thế thương mại);
 - f) Căn cứ vào lợi thế thương mại hoặc các yếu tố bất lợi đối với tài sản;

- g) Căn cứ vào tình hình, khả năng biến động giá cả thị trường; thời hạn sử dụng còn lại, khả năng bị hao mòn (vô hình và hữu hình), hư hỏng, mất giá của tài sản; đặc biệt là trong trường hợp cho vay trung, dài hạn;
 - h) Đối với bất động sản và những tài sản khó xác định giá, phải do một bộ phận có khả năng chuyên môn thực hiện việc định giá.
3. Tổng Giám đốc quy định cụ thể về việc tổ chức bộ phận định giá và điều kiện, cách thức, thủ tục định giá tài sản bảo đảm tiền vay.

Điều 6. Giới hạn mức cho vay so với giá trị tài sản bảo đảm tiền vay

1. Mức cho vay tối đa so với giá trị của tài sản bảo đảm tiền vay được quy định như sau, trừ trường hợp có quy định khác của Tổng Giám đốc:
 - a) Tiền mặt (trong tài khoản, thẻ tiết kiệm, giấy tờ có giá khác), nếu cho vay bằng cùng loại tiền tệ : 100%;
 - b) Số dư trên tài khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, thẻ tiết kiệm, giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng khác; tín phiếu kho bạc, trái phiếu Chính phủ : 90%;
 - c) Tiền mặt, nếu cho vay không cùng loại tiền tệ : 90%;
 - d) Vàng, bạc, bạch kim, kim cương, kim khí quý và đá quý khác : 80%;
 - e) Các tài sản là bất động sản : 70%;
 - f) Các tài sản khác là động sản, trừ quy định tại các điểm a, b, c, d và g của khoản này : 60%;
 - g) Máy móc, thiết bị (vận hành trong thời hạn nhận bảo đảm); các tài sản khác được quy định tại các điểm i, j, k, l và m, khoản 2, Điều 4 của Quy chế này : 50%.
2. Tổng Giám đốc được quy định giới hạn các mức cho vay đối với giá trị của từng loại tài sản bảo đảm thấp hơn hoặc cao hơn các mức giới hạn tại khoản 1, Điều này.
3. Trường hợp Lienvietbank chấp nhận cho Khách hàng vay mà tài sản ký quỹ, cầm cố, thế chấp hoặc cam kết bảo lãnh chỉ đủ để bảo đảm cho một phần dư nợ (phần còn lại không có bảo đảm bằng tài sản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh), thì được xử lý lần lượt theo một trong hai cách sau:
 - a) Tài sản bảo đảm tiền vay được sử dụng để bảo đảm cho toàn bộ khoản vay (dư nợ), trừ trường hợp người bảo lãnh chỉ chấp nhận bảo lãnh cho một phần dư nợ cụ thể;
 - b) Giá trị tài sản bảo đảm tiền vay được sử dụng để bảo đảm cho mức dư nợ cao nhất (số nợ gốc bằng 100% giá trị tài sản bảo đảm).

Điều 7. Các trường hợp được ưu đãi về bảo đảm tiền vay

1. Khách hàng đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của Lienvietbank sẽ được áp dụng một hoặc nhiều biện pháp ưu đãi về bảo đảm tiền vay dưới đây:

- a) Ưu đãi về loại tài sản nhận làm tài sản bảo đảm tiền vay: Được nhận tất cả các loại tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định của Pháp luật mà không cần phải có quyết định cho phép cụ thể của Tổng Giám đốc như quy định tại khoản 2, Điều 4 của Quy chế này (trừ trường hợp khoản vay thuộc quyền phê duyệt của Ủy ban Tín dụng hoặc Tổng Giám đốc).
 - b) Ưu đãi về mức cho vay so với giá trị tài sản bảo đảm tiền vay: Có thể được cho vay đến mức cao nhất bằng 100% giá trị tài sản bảo đảm tiền vay.
 - c) Ưu đãi trong trường hợp cho vay không có tài sản bảo đảm tiền vay: Có thể được cho vay toàn bộ hoặc một phần dư nợ không có tài sản bảo đảm tiền vay.
2. Những đối tượng Khách hàng được ưu đãi về bảo đảm tiền vay, bao gồm:
- a) Khách hàng có quan hệ thường xuyên, có tín nhiệm trong quan hệ vay vốn và thanh toán với Lienvietbank;
 - b) Khách hàng có quan hệ tín dụng, thanh toán chủ yếu thông qua Lienvietbank mà Lienvietbank có khả năng quản lý được hoạt động luân chuyển vốn của Khách hàng;
 - c) Khách hàng có tình hình sản xuất kinh doanh ổn định, chắc chắn và tình hình tài chính lành mạnh;
 - d) Khách hàng tiềm năng, có quy mô sản xuất, kinh doanh lớn và thực lực tài chính vững mạnh mà Lienvietbank có chủ trương thu hút.
3. Những phương án, dự án vay vốn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và phục vụ đời sống có tính khả thi rất cao, bảo đảm khả năng thu hồi nợ rất cao (có thể thuộc hoặc không thuộc đối tượng Khách hàng theo quy định tại khoản 2 của Điều này).
4. Tổng Giám đốc hướng dẫn cụ thể về các Khách hàng, các trường hợp được ưu đãi về bảo đảm tiền vay.

Điều 8. Bảo đảm tiền vay bằng biện pháp bảo lãnh

1. Bên bảo lãnh cho Khách hàng vay vốn phải là một trong các loại hình tổ chức dưới đây:
 - a) Các ngân hàng: Nếu là Chi nhánh Ngân hàng trong nước, thì phải được Tổng Giám đốc (đối với Ngân hàng thương mại quốc doanh) hoặc Chủ tịch HĐQT (đối với Ngân hàng thương mại cổ phần) ủy quyền hoặc phân cấp về nghiệp vụ bảo lãnh ngân hàng;
 - b) Quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa;¹
 - c) Các Doanh nghiệp Nhà nước hạng đặc biệt hoặc hạng 1, đồng thời được xếp hạng A trở lên theo kết quả xếp hạng của Trung tâm Thông tin Tín dụng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (CIC);

¹ Quy chế Thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, ban hành kèm theo Quyết định số 193/2001/QĐ-TTg ngày 20-12-2001 của Thủ tướng Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 115/2004/QĐ-TTg ngày 25-6-2004).

- d) Các Doanh nghiệp là Khách hàng truyền thống, có uy tín trong quan hệ tín dụng, thanh toán với Lienvietbank và Lienvietbank có khả năng quản lý hoạt động luân chuyển vốn của Doanh nghiệp;
 - e) Các doanh nghiệp, tổ chức khác do Tổng Giám đốc quyết định.
2. Tổng Giám đốc phê duyệt việc nhận bảo lãnh của Bên bảo lãnh là các tổ chức, cá nhân không thuộc các đối tượng quy định tại khoản 1 của Điều này.
 3. Hình thức bảo lãnh được thể hiện bằng hợp đồng bảo lãnh hoặc văn thư bảo lãnh theo quy định của Lienvietbank.

Điều 9. Cho vay không có tài sản ký quỹ, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh

1. Việc cho vay không có tài sản ký quỹ, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh được thực hiện đối với các Khách hàng được xếp hạng A trở lên theo kết quả xếp hạng của CIC hoặc có đủ các điều kiện dưới đây:
 - a) Sử dụng vốn vay có hiệu quả và trả nợ gốc, lãi vốn vay đúng hạn trong quan hệ vay vốn với Lienvietbank hoặc các tổ chức tín dụng khác;
 - b) Có dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh, dịch vụ khả thi, có hiệu quả; hoặc có dự án đầu tư, phương án phục vụ đời sống khả thi, phù hợp với quy định của Pháp luật;
 - c) Có khả năng tài chính để thực hiện nghĩa vụ trả nợ;
 - d) Cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản theo yêu cầu của Lienvietbank, nếu sử dụng vốn vay không đúng cam kết trong hợp đồng tín dụng; cam kết trả nợ trước hạn nếu không thực hiện được các biện pháp bảo đảm bằng tài sản quy định tại điểm này;
 - e) Có ít nhất một điều kiện theo quy định tại khoản 2, Điều 7 của Quy chế này.
2. Tổng Giám đốc quy định các điều kiện và giới hạn bảo đảm tiền vay trong trường hợp cho vay không có tài sản ký quỹ, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh dưới đây:
 - a) Mức cho vay tối đa không có tài sản ký quỹ, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh đối với một Khách hàng;
 - b) Tổng mức cho vay không có tài sản ký quỹ, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh của mỗi Đơn vị cho vay;
 - c) Mức vốn tự có tham gia vào nhu cầu vốn để thực hiện phương án, dự án vay vốn không có tài sản ký quỹ, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh;
 - d) Các điều kiện cần thiết khác liên quan đến bảo đảm tiền vay không có tài sản ký quỹ, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.
3. Tổng Giám đốc quy định các điều kiện và giới hạn cho vay không có bảo đảm bằng tài sản ký quỹ, cầm cố, thế chấp đối với cán bộ, nhân viên thuộc một số cơ quan, tổ chức

(bao gồm cả tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội) hoặc cá nhân khác để phục vụ nhu cầu góp vốn, mua cổ phần, sản xuất, kinh doanh, làm dịch vụ nhỏ, phát triển kinh tế gia đình hoặc để phục vụ đời sống.

Điều 10. Việc mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm tiền vay

1. Tài sản bảo đảm tiền vay phải được mua bảo hiểm vật chất trong các trường hợp sau:
 - a) Tài sản theo quy định của Pháp luật bắt buộc phải mua bảo hiểm vật chất;
 - b) Tài sản bảo đảm tiền vay là hàng hoá phải vận chuyển trên các tuyến đường giao thông công cộng, kể cả tài sản bảo đảm được hình thành từ vốn vay;
 - c) Tài sản bảo đảm tiền vay khác phải mua bảo hiểm để bảo đảm an toàn cho khả năng thu nợ của Lienvietbank theo quy định của Tổng Giám đốc.
2. Nội dung và hình thức mua bảo hiểm:
 - a) Tài sản bảo đảm tiền vay phải được mua bảo hiểm trước khi giải ngân. Đối với các tài sản bảo đảm được hình thành từ vốn vay, trong Hợp đồng bảo đảm hoặc Hợp đồng tín dụng phải thoả thuận rõ trách nhiệm mua bảo hiểm ngay sau khi tài sản được hình thành hoặc ngay sau khi có thể mua được bảo hiểm;
 - b) Giá trị bảo hiểm không thấp hơn giá trị của phần nghĩa vụ được bảo đảm (bao gồm cả nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ có liên quan khác);
 - c) Việc mua bảo hiểm phải được kéo dài liên tục trong suốt thời hạn cho vay, kể cả thời hạn gia hạn nợ, xử lý nợ và xử lý tài sản bảo đảm tiền vay;
 - d) Có văn bản thể hiện việc Nhà bảo hiểm chấp nhận Lienvietbank là người thụ hưởng bảo hiểm.

Điều 11. Thủ tục nhận tài sản bảo đảm tiền vay

1. Thủ tục nhận tài sản bảo đảm tiền vay được thực hiện theo quy định của Pháp luật và quy định của Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc quy định và hướng dẫn cụ thể các nội dung dưới đây:
 - a) Các mẫu Hợp đồng, hồ sơ về bảo đảm tiền vay; yêu cầu đối với Khách hàng, người có tài sản bảo đảm và những người liên quan trong việc ký tên, đóng dấu trên các Hợp đồng và hồ sơ về bảo đảm tiền vay;
 - b) Trách nhiệm của cán bộ, nhân viên Lienvietbank trong việc thiết lập và thực hiện các Hợp đồng, hồ sơ về bảo đảm tiền vay;
 - c) Việc công chứng, chứng thực Hợp đồng bảo đảm tiền vay;
 - d) Việc đăng ký Hợp đồng bảo đảm tiền vay (giao dịch bảo đảm).

Điều 12. Quản lý và xử lý tài sản bảo đảm tiền vay

1. Tổng Giám đốc quy định việc quản lý tài sản bảo đảm tiền vay, bao gồm:

- a) Quản lý hồ sơ tài sản bảo đảm tiền vay;
 - b) Kiểm tra, theo dõi, quản lý, thay đổi và giải toả tài sản bảo đảm tiền vay, bao gồm cả tài sản bảo đảm hình thành từ vốn vay;
 - c) Hạch toán và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê việc cho vay có bảo đảm và không có bảo đảm bằng tài sản.
2. Việc xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ được thực hiện theo một trong các phương thức dưới đây:
- a) Bán tài sản bảo đảm tiền vay;
 - b) Lienvietbank nhận chính tài sản bảo đảm tiền vay để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm;
 - c) Lienvietbank được trực tiếp nhận các khoản tiền hoặc tài sản từ bên thứ ba trong trường hợp bên thứ ba có nghĩa vụ trả tiền hoặc tài sản cho Khách hàng vay, bên bảo lãnh.
3. Việc thành lập các Hội đồng xử lý tài sản bảo đảm tiền vay tại Hội sở chính và tại các Chi nhánh; việc quyết định mức chi phí để xử lý tài sản bảo đảm tiền vay; việc tiến hành các thủ tục xử lý tài sản bảo đảm tiền vay được thực hiện theo quy định của Pháp luật và các quy định có liên quan của Lienvietbank.

Điều 13. Quy định thi hành

1. Quy chế này đã được Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ I thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Quy chế này, sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của Pháp luật và của Lienvietbank.
3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng Quản trị quyết định trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc.
4. Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, các Giám đốc và các đơn vị trực thuộc trong Hệ thống Lienvietbank có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Nơi nhận:

- Các TV HĐQT & BKS;
- Ban Điều hành;
- Các Chi nhánh, PGD;
- Các Phòng HSC;
- Lưu HC.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *le*
Chủ tịch

NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI
CƠ PHẦN
LIÊN VIỆT

[Signature]

DƯƠNG CÔNG MINH